

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DSST

Ngày: 26-8-2020

V/v: “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán  
trong hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Hoài Phong
2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Trần Phi Phi – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/TLST- DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐST-DS ngày 07/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2020/QĐST- DS ngày 28/7/2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: Số 266-268 đường n, phường 8, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T – Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh Q; Địa chỉ: Số 449 Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Thái Thị L, chức vụ: Phó Phòng Kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - chi nhánh Q. Theo giấy ủy quyền số 29/GUQ-QNI ngày 03/3/2020; có mặt.

**2. Bị đơn:**

- Anh Trần Văn H1, sinh năm 1976; vắng mặt
- Chị Nguyễn Thị Liên E, sinh năm 1981; có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Trần Văn H2, sinh năm 1953; vắng mặt
  - Bà Phạm Thị C, sinh năm 1957; vắng mặt
- Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Thái Thị L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - chi nhánh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng số LD1831000549 ngày 19/11/2018 với anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E giải ngân cho anh H1, chị E vay số tiền là 700.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng) để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay áp dụng theo phương thức thả nổi, điều chỉnh lãi suất cho vay theo thỏa thuận của các bên, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cùng loại. Anh H1, chị E đã nhận tiền và ký Giấy nhận nợ số LD1831000549 ngày 20/11/2018. Chị Nguyễn Thị Liên E có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng ngày 24/8/2017 với hạn mức 50.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị Liên E đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng mua trước trả sau với hạn mức 50.000.000 đồng. Trước thời hạn trên anh H1, chị E đã có quan hệ tín dụng với Ngân hàng từ tháng 8/2017.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E đã thế chấp các tài sản gồm:

Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 184, tờ bản đồ số 2, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 212940, số vào sổ CH01846 do UBND huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Trần Văn H2, bà Phạm Thị C ngày 20/12/2011 chỉnh lý biên động tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E ngày 24/12/2013, theo hợp đồng thế chấp tài sản số LD1831000549 ngày 19/11/2018 (đăng ký thế chấp ngày 19/11/2019).

Từ ngày vay tiền cho đến khi đến hạn anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E thường xuyên vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi) đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, tiền gốc chưa trả, tiền lãi chỉ trả được 13.673.972 đồng, ngày 20/02/2019 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Hợp đồng thẻ tín dụng nợ gốc chỉ trả được 6.038.018 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu trả nợ nhưng từ khi chuyển sang nợ quá hạn đến nay anh H1, chị E vẫn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến hết ngày 25/8/2020 anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E còn nợ Ngân hàng số tiền là 925.058.309 đồng (Bằng chữ: Chín trăm hai mươi lăm triệu, không trăm năm tám ngàn, ba trăm không chín đồng). Trong đó dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng 700.000.000 đồng, lãi trong hạn 66.297.421 đồng, lãi quá hạn 99.042.746 đồng, tổng dư nợ thẻ tín dụng 59.718.142 đồng, trong đó nợ gốc thẻ tín dụng 43.961.982 đồng, nợ lãi quá hạn 15.756.160 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E phải trả cho Ngân hàng số tiền là 925.058.309 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 25/8/2020) và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc cho đến ngày tất toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế tín dụng đã ký.

Nếu anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì đề nghị phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 184, tờ bản đồ số 2, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị Liên E trình bày tại phiên tòa:* Số tiền vợ chồng chị vay và còn nợ Ngân hàng đúng như Ngân hàng đã trình bày nhưng hiện nay việc đánh bắt xa bờ gặp nhiều khó khăn, làm ăn thua lỗ nên chị xin trả dần tiền nợ cho Ngân hàng.

*Bị đơn anh Trần Văn H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn H2, bà Phạm Thị C đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đúng theo qui định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý, về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách những người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng hạn theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 4 Điều 91, Điều 147, 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 295, 299, 317, 318, 319, 320, khoản 2 Điều 322, khoản 7 Điều 323 của BLDS năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Buộc anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền nợ là 925.058.309 đồng (Bằng chữ: Chín trăm hai mươi lăm triệu, không trăm năm tám ngàn, ba trăm không chín đồng). Trong đó dư nợ gốc 700.000.000 đồng, lãi trong hạn 66.297.421 đồng, lãi quá hạn 99.042.746 đồng, tổng dư nợ thế tín dụng 59.718.142 đồng (tạm tính đến ngày 25/8/2020) và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong. Trường hợp anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 184, tờ bản đồ số 2, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng, đồng thời phải thôi lại giá trị tài sản trên đất tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp cho vợ chồng ông H2, bà C.

Trong trường hợp số tiền thu được do bán tài sản thế chấp sau khi trừ các chi phí phát sinh có liên quan đến việc xử lý tài sản nếu không đủ thu nợ (gốc, lãi)

thì anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E phải có trách nhiệm tiếp tục trả cho đến khi xong các khoản nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E phải chịu, số tiền này Ngân hàng đã tạm ứng và chi xong nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H2, bà Phạm Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, không do trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H1, ông H2, bà C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu anh Trần Văn H1, chị Nguyễn Thị Liên E phải thanh toán số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Hợp đồng tín dụng số LD1831000549, giấy nhận nợ cùng ngày 19/11/2018 thì tính đến ngày 25/08/2020 anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 925.058.309 đồng (Chín trăm hai mươi lăm triệu, không trăm năm tám ngàn, ba trăm không chín đồng). Trong đó dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng 700.000.000 đồng, lãi trong hạn 66.297.421 đồng, lãi quá hạn 99.042.746 đồng, nợ gốc thẻ tín dụng 43.961.982 đồng, nợ lãi quá hạn thẻ tín dụng 15.756.160 đồng. Anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng đã có thông báo số 214/TB-QNI ngày 12/11/2018 và lập các biên bản làm việc ngày 23/02/2019, 27/02/2019 yêu cầu anh H1, chị E thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nhưng vẫn không thực hiện theo cam kết. Tại phiên tòa chị E công nhận còn nợ, đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng xin trả nợ dần do hoàn cảnh khó khăn.

Đối với bị đơn anh Trần Văn H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H2, bà Phạm Thị C đã được Tòa án cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng qui định pháp luật, nhưng anh H1, ông H2, bà C không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không nộp tài liệu chứng cứ gì, không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc theo quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Ngân hàng yêu cầu anh H1, chị E phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ là 925.058.309 đồng (tạm tính đến ngày 25/08/2020) cùng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho đến khi trả xong các khoản nợ, căn cứ Điều 91, 95 của

Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về phát mãi tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo hợp đồng thế chấp tài sản số LD1831000549 ngày 19/11/2018 (đăng ký thế chấp ngày 19/11/2019) thì tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của anh H1, chị E tại Ngân hàng là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 184, diện tích 159m<sup>2</sup>, đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 2, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 212940, số vào sổ CH01846 do UBND huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Trần Văn H2, bà Phạm Thị C ngày 20/12/2011, chỉnh lý biên động tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E ngày 24/12/2013. Về tài sản gắn liền với đất tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/4/2020 (bút lục 112-114) trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lát gạch men, cửa gỗ, mái hiên cũ lợp tôn 01 phần, lợp bạt 01 phần, đà gỗ cũ, tường rào lưới B40, cửa cổng bằng sắt do ông cha mẹ anh H1 là ông Trần Văn H2 và bà Phạm Thị C xây dựng và đang ở tại căn nhà này. Theo hồ sơ chỉnh lý biên động tặng cho quyền sử dụng đất thế chấp anh Trần Văn H1, chị Nguyễn Thị Liên E do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - chi nhánh thành phố cung cấp thì ông Trần Văn H2 và bà Phạm Thị C lập Hợp đồng tặng cho anh H1, chị E quyền sử dụng thửa đất số 184 mà không có tài liệu thể hiện ý kiến về việc giao ngôi nhà, vật kiến trúc trên đất cho anh H1, chị E. Do đó, mặc dù anh H1, chị E cam kết thế chấp cả ngôi nhà trên thửa đất theo giấy cam kết thế chấp ngày 19/11/2018 nhưng ngôi nhà, vật kiến trúc trên đất chưa phải là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh H1, chị E mà tài sản trên đất là của ông H2, bà C, do ông H2, bà C tạo lập, xây dựng. Do đó, nếu anh H1, chị E không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với thửa đất nhưng phải hoàn trả lại phần giá trị căn nhà, vật kiến trúc trên đất theo giá phát mãi tại giai đoạn thi hành án cho chủ sở hữu là ông H2, bà C theo quy định tại Điều 295, 299, 317, 318, 319, 320, khoản 2 Điều 322, khoản 7 Điều 323, Điều 325 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về thủ tục tố tụng và nội dung là phù hợp với nhận định đã nêu của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E phải chịu, Ngân hàng đã nộp tạm ứng và chi phí xong nên anh H1, chị E phải thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nêu trên.

[2.5] Về án phí: Căn cứ Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng là 39.751.749 đồng, {(36.000.000 đồng + 3% (925.058.309 đồng – 800.000.000 đồng))}.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì những lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, các Điều 147, 157, 158, 227, 228, Điều 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 295, 299, 317, 318, 319, 320, khoản 2 Điều 322, khoản 7 Điều 323, Điều 325, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Buộc anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 925.058.309 đồng (Bằng chữ: Chín trăm hai mươi lăm triệu, không trăm năm tám ngàn, ba trăm không chín đồng). Trong đó dư nợ gốc 700.000.000 đồng, lãi trong hạn 66.297.421 đồng, lãi quá hạn 99.042.746 đồng, tổng dư nợ thẻ tín dụng 59.718.142 đồng (tiền lãi tạm tính đến hết ngày 25/08/2020) cùng tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/08/2020 trên số dư nợ gốc, theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD1831000549 ngày 19/11/2018, hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 24/8/2017 cho đến ngày tất toán.

2/ Trường hợp anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp tại giai đoạn thi hành án là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 184, diện tích 159m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 2, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo hợp đồng thế chấp số LD1831000549 ngày 19/11/2018 (đăng ký thế chấp ngày 19/11/2019) có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 212940 do UBND huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Trần Văn H2, bà Phạm Thị C ngày 20/12/2011, chỉnh lý biến động tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E ngày 24/12/2013 để thu hồi các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, nhưng phải trả lại phần giá trị căn nhà, vật kiến trúc có trên thửa đất theo giá phát mãi tại thời điểm thi hành án cho chủ sở hữu tài sản là ông Trần Văn H2 và bà Phạm Thị C.

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3/ Về chi phí tố tụng:

Buộc anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E phải thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị Liên E phải chịu là 39.751.749 đồng (Ba mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, bảy trăm bốn mươi chín đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 18.468.427 (*Mười tám triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi bảy đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2018/0003201 ngày 06/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

5/ Nguyên đơn, bị đơn chị Nguyễn Thị Liên E có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Trần Văn H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H2 và bà Phạm Thị C vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS T.P Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Mai Hạnh**